

Số: 133 /TT-UBND

Bình Phước, ngày 16 tháng 6 năm 2022

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách cấp huyện thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách cấp huyện thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

Ngày 18 tháng 01 năm 2022, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, tại Khoản 1, Điều 19 quy định “*Ủy ban nhân dân các tỉnh căn cứ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương, khả năng tài chính và đặc điểm tình hình của địa phương, bố trí vốn đối ứng, lòng ghép các nguồn lực khác, xây dựng các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước cho các ngành, các cấp của địa phương để thực hiện Chương trình và trình Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định*”.

Để đảm bảo phân bổ nguồn vốn ngân sách trung ương, địa phương kịp thời và đúng quy định ngay trong năm 2022 nhằm triển khai đồng bộ các chính sách hỗ trợ người nghèo trong giai đoạn mới (theo quyết định Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025), việc đề nghị xây dựng Nghị quyết này là rất cần thiết.

II. CĂN CỨ PHÁP LÝ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 29/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ khoản 1, Điều 19 Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Thực hiện Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

III. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích: Tạo cơ sở pháp lý để phân bổ nguồn lực (nguồn ngân sách trung ương, ngân sách đối ứng của cấp tỉnh, cấp huyện) cho các huyện, thị xã, thành phố để triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ giảm nghèo trong giai đoạn 2021-2025.

2. Quan điểm: Việc xây dựng Nghị quyết phải đảm bảo đúng với các quy định hiện hành, dễ hiểu, dễ tính toán, dễ áp dụng và phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh.

IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

Ngày 27 tháng 4 năm 2022, Ủy ban nhân dân tỉnh có Công văn số 941/UBND-TH giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách cấp huyện thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước (sau đây viết tắt là dự thảo Nghị quyết).

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội xây dựng dự thảo Nghị quyết, lấy ý kiến các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện, đồng thời gửi UBMTTQVN tỉnh để thực hiện phản biện xã hội. Đến ngày 30 tháng 5 năm 2022, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã nhận được phản hồi của 15/18 đơn vị gửi lấy ý kiến và ý kiến phản biện được tổng hợp từ UBMTTQ tỉnh.

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tiếp thu, giải trình các ý kiến của các sở, ngành, ý kiến phản biện của UBMTTQVN tỉnh, hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết gửi Sở Tư pháp thẩm định. Sở Tư pháp có Báo cáo số 114/BC-STP ngày 03 tháng 6 năm 2022 về việc thẩm định dự thảo Nghị quyết.

Trên cơ sở các quy định của pháp luật và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp đối với dự thảo Nghị quyết, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tiếp thu, giải trình ý kiến của thẩm định của Sở Tư pháp đối với dự thảo Nghị quyết (Báo cáo số 152/BC-SLĐTBXH ngày 04 tháng 6 năm 2022).

Tại cuộc họp Ủy ban nhân dân tỉnh ngày 04 tháng 6 năm 2022, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đề xuất, báo cáo UBND tỉnh xin tiếp tục điều chỉnh một số nội dung tại dự thảo Nghị quyết và được Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội điều chỉnh, lấy ý kiến và nhận được góp ý của 11/14 đơn vị; tổng hợp, tiếp thu và giải trình tại Báo cáo số 167/BC-SLĐTBXH ngày 11 tháng 6 năm 2022.

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết, gửi Sở Tư pháp về việc thẩm định (lần 2). Ngày 13 tháng 6 năm 2022, Sở Tư pháp có Công văn số 704/STP-PC về việc phúc đáp Công văn số 1097/SLĐTBXH-QLLVXH ngày 11/6/2022 với nội dung: “Theo quy định tại khoản 5 Điều 121 Luật Ban hành văn bản năm 2015 được sửa đổi, bổ sung theo khoản 36 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020 thì: Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định để chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo văn bản đã được chỉnh lý đến Sở Tư pháp khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết”.

Trên cơ sở xem xét các nội dung trình, báo cáo giải trình các nội dung không tiếp thu của cơ quan soạn thảo và ý kiến của Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân tỉnh đã hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết trình Hội đồng nhân dân tỉnh.

V. BỘ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO

1. Bộ cục

Bộ cục của dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách cấp huyện thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước, gồm 2 phần:

Phần 1: Nội dung dự thảo Nghị quyết;

Phần 2: Nội dung dự thảo Quy định kèm theo Nghị quyết.

2. Nội dung cơ bản

2.1. Nội dung cơ bản của Phần 1 - Dự thảo Nghị quyết: gồm 2 điều, về quyết nghị của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định và phân công tổ chức triển khai thực hiện.

2.2. Nội dung cơ bản của Phần 2 - Dự thảo Quy định kèm theo Nghị quyết: Gồm 2 chương 11 điều.

Chương I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Chương II: NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1. Tiêu chí, hệ số, định mức và phương pháp tính, xác định phân bổ vốn từng dự án

Điều 3. Quy định chung về tiêu chí phân bổ vốn

Điều 4. Trình tự, thẩm quyền phân bổ vốn

Điều 5. Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo

Điều 6. Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng

Điều 7. Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững

Điều 8. Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

Điều 9. Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình

Mục 2. Tỷ lệ vốn đối ứng của Ngân sách địa phương thực hiện chương trình

Điều 10. Bố trí vốn đối ứng của địa phương

Điều 11. Điều khoản chuyển tiếp

VI. HỒ SƠ KÈM THEO TỜ TRÌNH

- Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách cấp huyện thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

- Báo cáo tổng hợp ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị; báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp.

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTTU, BTT UBMTTQVN tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: TC, TP, LD-TB&XH, KH&ĐT, YT, TT&TT, NN&PTNT;
- Cục Thống kê tỉnh;
- LĐVP, Phòng KGVX, TH;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH



Trần Tuệ Hiền

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2022/NQ-HĐND

Bình Phước, ngày tháng năm 2022

DỰ THẢO

Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND
ngày /6/2022 của UBND tỉnh

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành quy định tiêu chí, định mức phân bổ vốn
ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách cấp huyện
thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững
giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 5**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản
quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của
Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm
nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 29/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của
Quốc hội về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của
Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ khoản 1, Điều 19 Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng
01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức
phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa

phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Thực hiện Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày ... tháng... năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số/BC-HĐND ngày ... tháng ... năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách cấp huyện thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khoá X, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày ... tháng ... năm 2022 và có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm 2022./.

Người nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- VPQH, VPCP;
- Các Bộ: LĐ-TB&XH, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, NN&PTNT, Thông tin và Truyền thông;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Tổ đại biểu HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- TTHDND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm CNTTTT, Đài PTTH&Báo BP;
- LĐVP, các phòng chức năng;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

DỰ THẢO

QUY ĐỊNH

Tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng
của ngân sách cấp huyện thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo
bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước

(Kèm theo Nghị quyết số /2022/NQ-HĐND
ngày tháng năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định các tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách cấp huyện thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước (sau đây viết tắt là Chương trình) áp dụng cho các năm ngân sách giai đoạn 2022-2025.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã và đơn vị sử dụng kinh phí Chương trình.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến việc lập, thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình.

Chương II
NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

**TIÊU CHÍ, HỆ SỐ, ĐỊNH MỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP TÍNH, XÁC ĐỊNH
PHÂN BỐ VỐN TÙNG DỰ ÁN**

Điều 3. Quy định chung về tiêu chí phân bổ vốn

1. Vốn ngân sách nhà nước bao gồm vốn ngân sách nhà nước phân bổ và vốn đối ứng của tỉnh (nếu có) để thực hiện chương trình.

2. Số hộ nghèo, cận nghèo và tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo của các huyện để tính hệ số được xác định căn cứ vào số liệu báo cáo của Sở Lao động - Thương

binh và Xã hội về kết quả rà soát hộ nghèo, cận nghèo năm 2021 theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

3. Số lượng tuyển sinh, lực lượng lao động từ đủ 15 tuổi trở lên năm 2020 theo số liệu công bố của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

4. Tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi của các huyện, thị xã, thành phố năm 2020 theo số liệu do Sở Y tế công bố.

Điều 4. Trình tự, thẩm quyền phân bổ vốn

UBND cấp huyện xây dựng kế hoạch, đề xuất phân bổ vốn nhà nước thực hiện chương trình giai đoạn 05 năm và hàng năm đảm bảo đúng các nguyên tắc, tiêu chí và định mức theo quy định trình UBND tỉnh xem xét phê duyệt. Trường hợp địa phương (huyện, thị xã, thành phố) không có nhu cầu hỗ trợ kinh phí, giao UBND tỉnh xem xét quyết định phân bổ cho các sở, ban, ngành hoặc địa phương khác có đăng ký nhu cầu hỗ trợ nguồn vốn.

Điều 5. Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo

1. Phân bổ vốn ngân sách nhà nước của Dự án: tối đa 15% cho các sở, ban, ngành; tối thiểu 85% cho các huyện, thị xã, thành phố.

2. Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các huyện, thị xã, thành phố

a) Tiêu chí, hệ số phân bổ

Tiêu chí	Điểm hệ số
1. Tiêu chí 1: Tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố	
Dưới 1%	0,4
Từ 1% đến dưới 3%	0,5
Từ 3% đến dưới 5%	0,6
Từ 5% trở lên	0,7
2. Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố	
Dưới 200 hộ	0,4
Từ 200 hộ đến dưới 500 hộ	0,5
Từ 500 hộ đến dưới 1.000 hộ	0,6
Từ 1.000 hộ đến dưới 1.500 hộ	0,7
Từ 1.500 hộ đến dưới 2.000 hộ	0,8

Tiêu chí	Điểm hệ số
Từ 2.000 hộ trở lên	0,9
3. Tiêu chí 3: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố	
6 xã	1
7 xã	1,2
Từ 8 đến dưới 10 xã	1,4
Từ 10 xã đến dưới 15 xã	1,6
Từ 15 xã trở lên	1,8
4. Tiêu chí 4: Mức độ khó khăn của các huyện, thị xã, thành phố	
Các huyện: Bù Gia Mập, Bù Đăng	1
Các huyện: Bù Đốp, Hớn Quản, Lộc Ninh	0,5
Thành phố Đồng Xoài, thị xã Phước Long, thị xã Bình Long, huyện Đồng Phú, huyện Phú Riềng, huyện Chơn Thành	0

b) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho huyện, thị xã, thành phố

Vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho từng huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức:

$$C_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$$

Trong đó:

C_i là vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho huyện, thị xã, thành phố.

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo; tổng số hộ nghèo, hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố.

Y_i là tổng hệ số tiêu chí mức độ khó khăn và số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức: $Y_i = DVi + KK_i$ (DVi là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố; KK_i là hệ số mức độ khó khăn của các huyện, thị xã, thành phố).

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách nhà nước phân bổ thực hiện Dự án 2 của Chương trình.

Điều 6. Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng

1. Tiêu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp

a) Phân bổ vốn ngân sách nhà nước của Tiêu dự án: tối đa 5% - 10% cho các sở, ban, ngành; tối thiểu 90 - 95% cho các huyện, thị xã, thành phố.

b) Tiêu chí, hệ số phân bổ vốn cho địa phương (áp dụng như biểu tiêu chí và hệ số phân bổ tại điểm a, khoản 2, Điều 5 tại Quy định này).

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho huyện, thị xã, thành phố

Vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho từng huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức:

$$Di = Q \cdot Xi \cdot Yi$$

Trong đó:

Di là vốn ngân sách phân bổ cho huyện, thị xã, thành phố.

Xi là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo; tổng số hộ nghèo, hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố.

Yi là tổng hệ số tiêu chí mức độ khó khăn và số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức: $Yi = DVi + KK_i$ (DVi là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố; KK_i là hệ số mức độ khó khăn của các huyện, thị xã, thành phố).

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n Xi \cdot Yi}$$

G là tổng số vốn ngân sách nhà nước phân bổ thực hiện tiêm dự án 1 thuộc Dự án 3 của Chương trình.

2. Tiêu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng

a) Phân bổ vốn ngân sách nhà nước của Tiêu dự án: tối đa 10% cho các sở, ban, ngành; tối thiểu 90% cho các huyện, thị xã, thành phố.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho địa phương

Tiêu chí	Điểm hệ số
1. Tiêu chí 1: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố	
6 xã	1
7 xã	1,2
Từ 8 đến dưới 10 xã	1,4
Từ 10 xã đến dưới 15 xã	1,6
Từ 15 xã trở lên	1,8
2. Tiêu chí 2: Mức độ khó khăn của các huyện, thị xã, thành phố	
Các huyện: Bù Gia Mập, Bù Đăng	1
Các huyện: Bù Đốp, Hớn Quản, Lộc Ninh	0,5
Thành phố Đồng Xoài, thị xã Phước Long, thị xã Bình Long, huyện Đồng Phú, huyện Phú Riềng, huyện Chơn Thành	0
3. Tiêu chí 3: Tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi của trẻ em dưới 5 tuổi của huyện, thị xã, thành phố	
Dưới 6%	1
Từ 6% đến dưới 10%	1,3
Trên 10%	1,6

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho địa phương

Vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho từng huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức:

$$E_i = Q \cdot Y_i \cdot DDi$$

Trong đó:

E_i là vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho huyện, thị xã, thành phố.

DDi là hệ số tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi trẻ em dưới 5 tuổi của huyện, thị xã, thành phố.

Y_i là tổng hệ số tiêu chí mức độ khó khăn và số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức: $Y_i = DVi + KK_i$ (DVi là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố; KK_i là hệ số mức độ khó khăn của các huyện, thị xã, thành phố).

Q là vốn bình quân cho một huyện, thị xã, thành phố tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n Y_i \cdot DDi}$$

G là tổng số vốn ngân sách nhà nước phân bổ để thực hiện tiêu dự án 2 thuộc Dự án 3 của Chương trình.

Điều 7. Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững

1. Tiêu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp

a) Phân bổ 100% vốn đối ứng của tỉnh cho tiêu dự án (nếu có) cho các huyện biên giới, huyện có tỷ lệ nghèo cao để hỗ trợ một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn.

b) Phân bổ tối đa 20% tổng vốn sự nghiệp ngân sách trung ương của Tiêu dự án cho các sở, ban, ngành.

c) Phân bổ tối thiểu 80% vốn sự nghiệp ngân sách trung ương của Tiêu dự án cho các huyện để hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người dân sinh sống trên địa bàn các xã đặc biệt khó khăn.

Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho địa phương

- Tiêu chí, hệ số phân bổ vốn cho địa phương: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố; Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố; Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố; Mức độ khó khăn của các huyện, thị xã, thành phố (áp dụng như biểu tiêu chí và hệ số phân bổ tại điểm a, khoản 2, Điều 5 tại Quy định này).

- Tiêu chí số lượng tuyển sinh trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố:

Dưới 500 người/năm	0,5
Từ 500 người/năm đến dưới 1.000 người/năm	0,6
Từ 1.000 người/năm trở lên	0,7

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn

Vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho từng huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức:

$$K_i = Q \cdot X_i$$

Trong đó:

K_i là vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho huyện, thị xã, thành phố.

X_i là tổng điểm hệ số của các tiêu chí theo công thức:

$$X_i = T_{Li} + Q_{Mi} + D_{Vi} + K_{Ki} + T_{Si}$$

(T_{Li} là hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo; Q_{Mi} là hệ số tổng số hộ nghèo, hộ cận nghèo; D_{Vi} là hệ số đơn vị hành chính cấp xã; K_{Ki} là hệ số mức độ khó khăn của các huyện, thị xã, thành phố; T_{Si} là hệ số tiêu chí số lượng tuyển sinh).

Q là vốn bình quân cho một huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i}$$

G là tổng số vốn sự nghiệp ngân sách trung ương phân bổ cho các địa phương thực hiện Tiêu dự án 1 thuộc Dự án 4 của Chương trình để hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

2. Tiêu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững

a) Phân bổ vốn ngân sách nhà nước cho Tiêu dự án: tối đa 70% cho các sở, ban, ngành; tối thiểu 30% cho các huyện, thị xã, thành phố.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho địa phương

Tiêu chí	Điểm hệ số
1. Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố	
Dưới 1%	0,4
Từ 1% đến dưới 3%	0,5
Từ 3% đến dưới 5%	0,6
Từ 5% trở lên	0,7
2. Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố	
Dưới 200 hộ	0,4
Từ 200 hộ đến dưới 500 hộ	0,5
Từ 500 hộ đến dưới 1.000 hộ	0,6

Tiêu chí	Điểm hệ số
Từ 1.000 hộ đến dưới 1.500 hộ	0,7
Từ 1.500 hộ đến dưới 2.000 hộ	0,8
Từ 2.000 hộ trở lên	0,9
3. Tiêu chí 3: Lực lượng lao động từ đủ 15 tuổi trở lên của huyện, thị xã, thành phố	
Dưới 40.000 người	1
Từ 40.000 người đến dưới 50.000 người	1,2
Từ 50.000 người đến dưới 60.000 người	1,4
Từ 60.000 người đến dưới 70.000 người	1,6
Từ 70.000 người đến dưới 80.000 người	1,8
Từ 80.000 người trở lên	2

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho huyện, thị xã, thành phố

Vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho từng huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức:

$$M_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$$

Trong đó:

M_i là vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho huyện, thị xã, thành phố.

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố.

Y_i là hệ số lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên của huyện, thị xã, thành phố.

Q là vốn bình quân cho một huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách nhà nước để phân bổ cho tỉnh thực hiện Tiêu dự án 3 thuộc Dự án 4 của Chương trình.

Điều 8. Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

1. Tiêu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin

a) Phân bổ vốn ngân sách nhà nước cho cơ quan chủ trì Tiêu dự án để thực hiện các nội dung đặc thù giảm nghèo thông tin theo đề nghị của cơ quan chủ trì. Phân bổ vốn ngân sách còn lại theo tỷ lệ tối đa 30% cho các Sở, ban, ngành; tối thiểu 70% cho các huyện, thị xã, thành phố.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho địa phương (áp dụng theo biểu tiêu chí và hệ số phân bổ tại điểm a, khoản 2, Điều 5 Quy định này).

c) Vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho từng huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức:

$$N_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$$

Trong đó:

N_i là vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho huyện, thị xã, thành phố.

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố.

Y_i là tổng hệ số tiêu chí mức độ khó khăn và số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức: $Y_i = DVi + KK_i$ (DVi là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố; KK_i là hệ số mức độ khó khăn của các huyện, thị xã, thành phố).

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G - D}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

Trong đó: G là tổng số vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho tỉnh để thực hiện Tiêu dự án 1 thuộc Dự án 6; D là tổng nhu cầu kinh phí thực hiện nội dung đặc thù giảm nghèo thông tin của Sở Thông tin và Truyền thông.

2. Tiêu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều

a) Phân bổ vốn ngân sách nhà nước cho Tiêu dự án: tối đa 35% cho các sở, ban, ngành; tối thiểu 65% cho các huyện, thị xã, thành phố.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho địa phương (áp dụng theo biểu tiêu chí và hệ số phân bổ tại điểm a, khoản 2, Điều 5 Quy định này).

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho địa phương.

Vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho từng huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức:

$$P_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$$

Trong đó:

P_i là vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho huyện, thị xã, thành phố.

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố.

Y_i là tổng hệ số tiêu chí mức độ khó khăn và số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức: $Y_i = DVi + KK_i$ (DVi là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố; KK_i là hệ số mức độ khó khăn của các huyện, thị xã, thành phố).

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho tỉnh để thực hiện Tiêu dự án 2, thuộc Dự án 6.

Điều 9. Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình

a) Phân bổ vốn ngân sách nhà nước của Dự án: tối đa 70% cho các sở, ban, ngành; tối thiểu 30% cho các huyện, thị xã, thành phố.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho địa phương (áp dụng theo biểu tiêu chí và hệ số phân bổ tại điểm a, khoản 2, Điều 5 Quy định này).

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho địa phương

Vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức:

$$R_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$$

Trong đó:

R_i là vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho huyện, thị xã, thành phố.

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố.

Y_i là tổng hệ số tiêu chí mức độ khó khăn và số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức: $Y_i = DVi + KK_i$ (DVi là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố; KK_i là hệ số mức độ khó khăn của các huyện, thị xã, thành phố).

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho tỉnh để thực hiện Dự án 7.

Mục 2
TỶ LỆ VỐN ĐỐI ÚNG CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Điều 10. Bố trí vốn đối ứng của địa phương

1. Căn cứ vào tình hình thực tế, khả năng cân đối ngân sách, các địa phương phải ưu tiên bố trí đủ vốn ngân sách địa phương theo quy định tại điều này để triển khai thực hiện chương trình theo kế hoạch hàng năm và 5 năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt, ưu tiên vốn bố trí thêm nguồn vốn cho các xã đặc biệt khó khăn, xã có tỷ lệ nghèo cao.

2. Tỷ lệ đối ứng từ ngân sách địa phương: Hàng năm, ngân sách các huyện, thị xã, thành phố đối ứng tối thiểu trên tổng ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ thực hiện Chương trình, như sau:

a) Các địa phương nhận hỗ trợ từ ngân sách tỉnh từ 70% trở lên: Hàng năm, ngân sách huyện đối ứng tối thiểu bằng 3% tổng ngân sách hỗ trợ thực hiện Chương trình.

b) Các địa phương nhận hỗ trợ từ ngân sách tỉnh từ 50% đến dưới 70%: Hàng năm, ngân sách huyện đối ứng tối thiểu bằng 10% tổng ngân sách hỗ trợ thực hiện Chương trình.

c) Các địa phương nhận hỗ trợ từ ngân sách tỉnh dưới 50%: Hàng năm, ngân sách địa phương đối ứng tối thiểu bằng 15% tổng ngân sách hỗ trợ thực hiện Chương trình.

d) Căn cứ vào tỷ lệ đối ứng hàng năm của các địa phương, trường hợp tỷ lệ đối ứng chung của tỉnh chưa đạt mức theo quy định, ngân sách tỉnh sẽ cấp bù.

Điều 11. Điều khoản chuyển tiếp

Về nguyên tắc phân bổ vốn không quy định tại Quy định này được Áp dụng theo Điều 3 Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025./.



QUY ĐỊNH

Tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách cấp huyện thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước

(Kèm theo Nghị quyết số /2022/NQ-HĐND
ngày tháng năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định các tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách cấp huyện thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước (sau đây viết tắt là Chương trình) áp dụng cho các năm ngân sách giai đoạn 2022-2025.

Vốn ngân sách nhà nước bao gồm vốn ngân sách nhà nước phân bổ và vốn đối ứng của tỉnh (nếu có) để thực hiện chương trình.

Về nguyên tắc phân bổ vốn: Áp dụng theo Điều 3 Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Ủy ban nhân dân cấp xã và đơn vị sử dụng kinh phí Chương trình.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến việc lập, thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình.

Chương II NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

TIÊU CHÍ, HỆ SỐ, ĐỊNH MỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP TÍNH, XÁC ĐỊNH PHÂN BỐ VỐN TÙNG DỰ ÁN

Điều 3. Quy định chung về tiêu chí phân bổ vốn

1. Số hộ nghèo, cận nghèo và tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo của các huyện để tính hệ số được xác định căn cứ vào số liệu báo cáo của Sở Lao động Thương

binh và Xã hội về kết quả rà soát hộ nghèo, cận nghèo năm 2021 theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

2. Số lượng tuyển sinh, Lực lượng lao động từ đủ 15 tuổi trở lên năm 2020 theo số liệu công bố của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội.

3. Theo số Tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi của các huyện, thị xã, thành phố năm 2020 theo số liệu do Sở Y tế công bố.

Điều 4. Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo

1. Phân bổ vốn ngân sách nhà nước của Dự án: tối đa 15% cho các sở, ban, ngành; tối thiểu 85% cho các huyện, thị xã, thành phố.

2. Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các huyện, thị xã, thành phố

a) Tiêu chí, hệ số phân bổ

Tiêu chí	Điểm hệ số
1. Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố	
Dưới 1%	0,4
Từ 1% đến 3%	0,5
Từ 3% đến 5%	0,6
Từ 5% trở lên	0,7
2. Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố	
Dưới 200 hộ	0,4
Từ 200 hộ đến dưới 500 hộ	0,5
Từ 500 hộ đến dưới 1.000 hộ	0,6
Từ 1.000 hộ đến dưới 1.500 hộ	0,7
Từ 1.500 hộ đến dưới 2.000 hộ	0,8
Từ 2.000 hộ trở lên	0,9
3. Tiêu chí 3: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố	

Tiêu chí	Điểm hệ số
6 xã	1
Từ trên 6 xã đến dưới 8 xã	1,2
Từ 8 đến dưới 10 xã	1,4
Từ 10 xã đến dưới 15 xã	1,6
Từ 15 xã trở lên	1,8
4. Tiêu chí 4: Mức độ khó khăn của các huyện, thị xã, thành phố	
Các huyện: Bù Đốp, Hớn Quản, Lộc Ninh	0,5
Các huyện: Bù Gia Mập, Bù Đăng	1
Thành phố Đồng Xoài, thị xã Phước Long, thị xã Bình Long, huyện Đồng Phú, huyện Phú Riềng, huyện Chơn Thành	0

b) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho huyện, thị xã, thành phố

Vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho từng huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức:

$$C_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$$

Trong đó:

C_i là vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho huyện, thị xã, thành phố.

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo; tổng số hộ nghèo, hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố.

Y_i là tổng hệ số tiêu chí mức độ khó khăn và số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức: $Y_i = DV_i + KK_i$ (DV_i là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố; KK_i là hệ số mức độ khó khăn của các huyện, thị xã, thành phố).

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách nhà nước phân bổ thực hiện Dự án 2 của Chương trình.

Điều 5. Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng

1. Tiêu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp

a) Phân bổ vốn ngân sách nhà nước của Tiêu dự án: tối đa 5% - 10% cho các sở, ban, ngành; tối thiểu 90 - 95% cho các huyện, thị xã, thành phố.

b) Tiêu chí, hệ số phân bổ vốn cho địa phương (áp dụng như biểu tiêu chí và hệ số phân bổ tại điểm a, khoản 2, Điều 5 tại Quy định này).

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho huyện, thị xã, thành phố

Vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho từng huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức:

$$Đi = Q \cdot Xi \cdot Yi$$

Trong đó:

Đi là vốn ngân sách phân bổ cho huyện, thị xã, thành phố.

Xi là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo; tổng số hộ nghèo, hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố.

Yi là tổng hệ số tiêu chí mức độ khó khăn và số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức: $Yi = DV_i + KK_i$ (DV_i là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố; KK_i là hệ số mức độ khó khăn của các huyện, thị xã, thành phố).

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách nhà nước, ngân sách tỉnh phân bổ thực hiện hiện tiêu dự án 1 thuộc Dự án 3 của Chương trình.

2. Tiêu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng

a) Phân bổ vốn ngân sách nhà nước của Tiêu dự án: tối đa 10% cho các sở, ban, ngành; tối thiểu 90% cho các huyện, thị xã, thành phố.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho địa phương

Tiêu chí	Điểm hệ số
1. Tiêu chí 1: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố	
6 xã	1
Từ trên 6 xã đến dưới 8 xã	1,2

Từ 8 đến dưới 10 xã	1,4
Từ 10 xã đến dưới 15 xã	1,6
Từ 15 xã trở lên	1,8
2. Tiêu chí 2: Mức độ khó khăn của các huyện, thị xã, thành phố	
Các huyện: Bù Đốp, Hòn Quản, Lộc Ninh	0,5
Các huyện: Bù Gia Mập, Bù Đăng	1
Thành phố Đồng Xoài, thị xã Phước Long, thị xã Bình Long, huyện Đồng Phú, huyện Phú Riềng, huyện Chơn Thành	0
3. Tiêu chí 3: Tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi của trẻ em dưới 5 tuổi của huyện, thị xã, thành phố	
Dưới 6%	1
Từ 6% đến dưới 10%	1,3
Trên 10%	1,6

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho địa phương

Vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho từng huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức:

$$Ei = Q \cdot Yi \cdot DDi$$

Trong đó:

Ei là vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho huyện, thị xã, thành phố.

DDi là hệ số tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi trẻ em dưới 5 tuổi của huyện, thị xã, thành phố.

Yi là tổng hệ số tiêu chí mức độ khó khăn và số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức: $Yi = DV_i + KK_i$ (DV_i là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố; KK_i là hệ số mức độ khó khăn của các huyện, thị xã, thành phố).

Q là vốn bình quân cho một huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n Y_i \cdot DDi}$$

G là tổng số vốn ngân sách nhà nước phân bổ để thực hiện tiêu dự án 2 thuộc Dự án 3 của Chương trình.

Điều 6. Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững

1. Tiêu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp

a) Phân bổ 100% vốn đối ứng của tỉnh cho tiêu dự án (nếu có) cho các huyện biên giới, huyện có tỷ lệ nghèo cao để hỗ trợ một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn.

b). Phân bổ tối đa 20% tổng vốn sự nghiệp ngân sách trung ương của Tiêu dự án cho các sở, ban, ngành.

c) Phân bổ tối thiểu 80% vốn sự nghiệp ngân sách trung ương của Tiêu dự án cho các huyện để hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người dân sinh sống trên địa bàn các xã đặc biệt khó khăn.

Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho địa phương

- Tiêu chí, hệ số phân bổ vốn cho địa phương: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố; Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố; Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố; Mức độ khó khăn của các huyện, thị xã, thành phố (áp dụng như biểu tiêu chí và hệ số phân bổ tại điểm a, khoản 2, Điều 5 tại Quy định này).

- Tiêu chí số lượng tuyển sinh trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố:

Dưới 500 người/năm	0,5
Từ 500 người/năm đến dưới 1.000 người/năm	0,6
Từ 1.000 người/năm trở lên	0,7

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn

Vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho từng huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức:

$$K_i = Q \cdot X_i$$

Trong đó:

K_i là vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho huyện, thị xã, thành phố.

X_i là tổng điểm hệ số của các tiêu chí theo công thức:

$$X_i = T L_i + Q M_i + D V_i + K K_i + T S_i$$

(TLi là hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo; QMi là hệ số tổng số hộ nghèo, hộ cận nghèo; DV_i hệ số đơn vị hành chính cấp xã; KKi là hệ số mức độ khó khăn của các huyện, thị xã, thành phố; TS_i là hệ số tiêu chí số lượng tuyển sinh).

Q là vốn bình quân cho một huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n x_i}$$

G là tổng số vốn sự nghiệp ngân sách trung ương phân bổ cho các địa phương thực hiện Tiêu dự án 1 thuộc Dự án 4 của Chương trình để hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

2. Tiêu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững

a) Phân bổ vốn ngân sách nhà nước, vốn đối ứng của tỉnh cho Tiêu dự án: tối đa 10% cho các sở, ban, ngành; tối thiểu 90% cho các huyện, thị xã, thành phố.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho địa phương

Tiêu chí	Điểm hệ số
1. Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố	
Dưới 1%	0,4
Từ 1% đến 3%	0,5
Từ 3% đến 5%	0,6
Từ 5% trở lên	0,7
2. Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố	
Dưới 200 hộ	0,4
Từ 200 hộ đến dưới 500 hộ	0,5
Từ 500 hộ đến dưới 1000 hộ	0,6
Từ 1000 hộ đến dưới 1.500 hộ	0,7

Tiêu chí	Điểm hệ số
Từ 1.500 hộ đến dưới 2.000 hộ	0,8
Từ 2.000 hộ trở lên	0,9
3. Tiêu chí 3: Lực lượng lao động từ đủ 15 tuổi trở lên của huyện, thị xã, thành phố	
Dưới 40.000 người	1
Từ 40.000 người đến dưới 50.000 người	1,2
Từ 50.000 người đến dưới 60.000 người	1,4
Từ 60.000 người đến dưới 70.000 người	1,6
Từ 70.000 người đến dưới 80.000 người	1,8
Từ 80.000 người trở lên	2

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho huyện, thị xã, thành phố

Vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho từng huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức:

$$M_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$$

Trong đó:

M_i là vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho huyện, thị xã, thành phố.

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố.

Y_i là hệ số lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên của huyện, thị xã, thành phố.

Q là vốn bình quân cho một huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách nhà nước để phân bổ cho tỉnh thực hiện Tiêu dự án 3 thuộc Dự án 4 của Chương trình.

Điều 7. Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

1. Tiêu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin

a) Phân bổ vốn ngân sách nhà nước, vốn đối ứng của tỉnh cho Tiêu dự án: tối đa 30% cho các sở, ban, ngành; tối thiểu 70% cho các huyện, thị xã, thành phố.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho địa phương (áp dụng theo biêu tiêu chí và hệ số phân bổ tại điểm a, khoản 2, Điều 5 Quy định này).

c) Vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho từng huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức:

$$N_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i + D_i$$

Trong đó:

N_i là vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho huyện, thị xã, thành phố.

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố.

Y_i là tổng hệ số tiêu chí mức độ khó khăn và số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức: $Y_i = DVi + KK_i$ (DVi là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố; KK_i là hệ số mức độ khó khăn của các huyện, thị xã, thành phố).

D_i là nhu cầu kinh phí thực hiện nội dung đặc thù giảm nghèo thông tin của cơ quan chủ trì Tiêu dự án.

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G - D}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

Trong đó: G là tổng số vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho tỉnh để thực hiện Tiêu dự án 1 thuộc Dự án 6; D là tổng nhu cầu kinh phí thực hiện nội dung đặc thù giảm nghèo thông tin của Sở Thông tin và Truyền thông.

2. Tiêu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều

a) Phân bổ vốn ngân sách nhà nước, vốn đối ứng của tỉnh cho Tiêu dự án: tối đa 35% cho các sở, ban, ngành; tối thiểu 65% cho các huyện, thị xã, thành phố.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho địa phương (áp dụng theo biêu tiêu chí và hệ số phân bổ tại điểm b, khoản 2, Điều 5 Quy định này).

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho địa phương.

Vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho từng huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức:

$$P_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$$

Trong đó:

Pi là vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho huyện, thị xã, thành phố.

Xi là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố.

Yi là tổng hệ số tiêu chí mức độ khó khăn và số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức: $Yi = DV_i + KK_i$ (DV_i là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố; KK_i là hệ số mức độ khó khăn của các huyện, thị xã, thành phố).

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho tỉnh để thực hiện Tiêu dự án 2, thuộc Dự án 6.

Điều 8. Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình

a) Phân bổ vốn ngân sách nhà nước của Dự án: tối đa 25% cho các sở, ban, ngành; tối thiểu 75% cho các huyện, thị xã, thành phố.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho địa phương (áp dụng theo biểu tiêu chí và hệ số phân bổ tại điểm a, khoản 2, Điều 5 Quy định này).

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho địa phương

Vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức:

$$R_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$$

Trong đó:

Ri là vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho huyện, thị xã, thành phố.

Xi là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố.

Yi là tổng hệ số tiêu chí mức độ khó khăn và số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức: $Yi = DV_i + Ki$ (DV_i là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố; Ki là hệ số mức độ khó khăn của các huyện, thị xã, thành phố).

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho tỉnh để thực hiện Dự án 7.

Mục 2 TỶ LỆ VỐN ĐỐI ỨNG CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Điều 9. Bố trí vốn đối ứng của địa phương

1. Căn cứ vào tình hình thực tế, khả năng cân đối ngân sách, các địa phương phải ưu tiên bố trí đủ vốn ngân sách địa phương theo quy định tại điều này để triển khai thực hiện chương trình theo kế hoạch hàng năm và 5 năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt, ưu tiên vốn bố trí thêm nguồn vốn cho các xã đặc biệt khó khăn, xã có tỷ lệ nghèo cao.

2. Tỷ lệ đối ứng từ ngân sách địa phương: Hàng năm, ngân sách các huyện, thị xã, thành phố đối ứng tối thiểu trên tổng ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ thực hiện Chương trình, như sau:

a) Các địa phương nhận hỗ trợ từ ngân sách tỉnh từ 70% trở lên: Hàng năm, ngân sách huyện đối ứng tối thiểu bằng 3% tổng ngân sách hỗ trợ thực hiện Chương trình.

b) Các địa phương nhận hỗ trợ từ ngân sách tỉnh từ 50% đến dưới 70%: Hàng năm, ngân sách huyện đối ứng tối thiểu bằng 10% tổng ngân sách hỗ trợ thực hiện Chương trình.

c) Các địa phương nhận hỗ trợ từ ngân sách tỉnh dưới 50%: Hàng năm, ngân sách địa phương đối ứng tối thiểu bằng 15% tổng ngân sách hỗ trợ thực hiện Chương trình.

d) Căn cứ vào tỷ lệ đối ứng hàng năm của các địa phương, trường hợp tỷ lệ đối ứng chung của tỉnh chưa đạt mức theo quy định, ngân sách tỉnh sẽ cấp bù./.

Số: 1113 /TTr-SLĐTBXH

Bình Phước, ngày 14 tháng 06 năm 2022

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị thông qua Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách cấp huyện thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh.

Thực hiện Công văn số 941/UBND-TH ngày 27/4/2022 của UBND tỉnh về việc phân công nhiệm vụ chuẩn bị nội dung trình HĐND tỉnh thông qua tại kỳ họp giữa năm 2022.

Sở Lao động – Thương binh và Xã hội kính đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách cấp huyện thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước, như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

Ngày 18 tháng 01 năm 2022, chính phủ ban hành Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, theo đó tại Khoản 1, Điều 19 quy định “ UBND các tỉnh *căn cứ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương, khả năng tài chính và đặc điểm tình hình của địa phương, bố trí vốn đối ứng, lồng ghép các nguồn lực khác, xây dựng các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước cho các ngành, các cấp của địa phương để thực hiện Chương trình và trình Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định*”.

Để đảm bảo phân bổ nguồn vốn ngân sách trung ương, địa phương kịp thời và đúng quy định ngay trong năm 2022 nhằm triển khai đồng bộ các chính sách hỗ trợ người nghèo trong giai đoạn mới (theo quyết định Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025), việc đề nghị xây dựng Nghị quyết này là rất cần thiết.

II. CĂN CỨ PHÁP LÝ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 29/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội Về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ khoản 1 Điều 19 Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Thực hiện Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

III. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

Tạo cơ sở pháp lý để phân bổ nguồn lực (nguồn ngân sách trung ương, ngân sách đối ứng của cấp tỉnh, cấp huyện) cho các huyện, thị xã, thành phố để triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ giảm nghèo trong giai đoạn 2021-2025.

2. Quan điểm

Việc xây dựng nghị quyết phải đảm bảo đúng với các quy định hiện hành, dễ hiểu, dễ tính toán, dễ áp dụng và phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh.

IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

Thực hiện Công văn số 941/UBND-TH ngày 27/4/2022 của UBND tỉnh về việc phân công nhiệm vụ chuẩn bị nội dung trình HĐND tỉnh thông qua tại kỳ họp giữa năm 2022, giao Sở Lao động – Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân

dân tinh ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách cấp huyện thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước (viết tắt là dự thảo nghị quyết) Sau khi dự thảo Nghị quyết được xây dựng; ngày 12/5/2022, Sở có Công văn số 864/SLĐTBXH-QLLVXH về việc lấy ý kiến đóng góp vào dự thảo Nghị quyết.

Từ ngày 12/5/2022 đến ngày 30/5/2022, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tiến hành lấy ý kiến các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện, đồng thời gửi UBMTTQVN tỉnh để thực hiện phản biện xã hội. Đến ngày 30/5/2022 Sở Lao động – Thương binh và Xã hội có báo cáo tiếp thu, giải trình số 144/BC-SLĐTBXH ngày 31/5/2022 về việc Tổng hợp các ý kiến của các cơ quan, đơn vị đối với hồ sơ dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách cấp huyện thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Ngày 31/5/2022, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội có Công văn số 1013/SLĐTBXH-QLLVXH ngày 31/5/2022 gửi Sở Tư pháp về việc thẩm định dự thảo Nghị quyết và đã được Sở Tư pháp thẩm định tại Báo cáo số 114/BC-STP ngày 03/6/2022 về việc thẩm định dự thảo Nghị quyết ban hành quy định tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách cấp huyện thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Trên cơ sở các quy định của Pháp luật và đề nghị của Sở Tư pháp đối với dự thảo Nghị quyết, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội có Báo cáo số 152/BC-SLĐTBXH ngày 04/6/2022 gửi UBND tỉnh, Sở Tư pháp. Tuy nhiên, tại cuộc họp ngày 04/6/2022 thông qua các nội dung trình kỳ họp thứ 5 (giữa năm 2022) Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X; sau rà soát lại nội dung dự thảo nghị quyết, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội đề xuất tiếp tục điều chỉnh một số nội dung, được UBND tỉnh thống nhất và yêu cầu tiếp tục lấy ý kiến các Ngành, địa phương đối với nội dung điều chỉnh. Từ ngày 05-10/06/2022, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội thực hiện lấy ý kiến, và nhận được góp ý của 11/14 đơn vị, đã được tổng hợp tiếp thu và giải trình tại Báo cáo số 167/BC-SLĐTBXH ngày 11/06/2022.

Ngày 11/6/2022, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội có Công văn số 1097/SLĐTBXH-QLLVXH gửi Sở Tư pháp về việc thẩm định dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách cấp huyện thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước (lần 2).

Đến ngày 13/6/2022, Sở Tư pháp có Công văn số 704/STP-PC về việc phúc đáp Công văn số 1097/SLĐTBXH-QLLVXH ngày 11/6/2022; nội dung Công văn nêu: “Theo quy định tại khoản 5 Điều 121 Luật Ban hành văn bản năm 2015 được sửa đổi, bổ sung theo khoản 36 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6

năm 2020 thì: “Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định để chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo văn bản đã được chỉnh lý đến Sở Tư pháp khi trình UBND tỉnh dự thảo Nghị quyết”.

Trên cơ sở tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý (các nội dung không tiếp thu đã có báo cáo giải trình) và ý kiến của Sở Tư pháp, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội đã hoàn chỉnh lại dự thảo Nghị quyết, kèm các văn bản có liên quan báo cáo UBND tỉnh để trình HĐND tỉnh xem xét ban hành nghị quyết.

V. BỘ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO

1. Bộ cục

Bộ cục của dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách cấp huyện thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước, gồm 2 phần:

Phần 1: Nội dung dự thảo Nghị quyết;

Phần 2: Nội dung dự thảo Quy định kèm theo Nghị quyết.

2. Nội dung cơ bản

2.1. Nội dung cơ bản của Phần 1 - Dự thảo Nghị quyết: gồm 2 điều, về quyết nghị của HĐND ban hành quy định và phân công tổ chức triển khai thực hiện.

2.2. Nội dung cơ bản của Phần 2 - Dự thảo Quy định kèm theo Nghị quyết: Gồm 2 chương 11 điều.

Chương I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Chương II: NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1. Tiêu chí, hệ số, định mức và phương pháp tính, xác định phân bổ vốn từng dự án

Điều 3. Quy định chung về tiêu chí phân bổ vốn

Điều 4. Trình tự, thẩm quyền phân bổ vốn

Điều 5. Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo

Điều 6. Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng

Điều 7. Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững

Điều 8. Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

Điều 9. Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình

Mục 2. Tỷ lệ vốn đối ứng của Ngân sách địa phương thực hiện chương trình

Điều 10. Bố trí vốn đối ứng của địa phương

Điều 11. Điều khoản chuyển tiếp

VI. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN: Không

Hồ sơ gửi kèm:

- Báo cáo số 144/BC-SLĐTBXH ngày 31/5/2022 về việc tổng hợp các ý kiến của các cơ quan, đơn vị đối với hồ sơ dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách cấp huyện thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước

- Công văn số 1013/SLĐTBXH-QLLVXH ngày 31/5/2022 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội gửi Sở Tư pháp về việc thẩm định dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách cấp huyện thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

- Báo cáo số 114/BC-STP ngày 03/6/2022 của Sở Tư pháp về việc thẩm định dự thảo Nghị quyết ban hành quy định tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách cấp huyện thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

- Báo cáo số 152/BC-SLĐTBXH ngày 04/6/2022 của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội về việc tiếp thu, giải trình ý kiến của thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 114/BC-STP ngày 03/6/2022 đối với dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách cấp huyện thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

- Báo cáo số 167/BC-SLĐTBXH ngày 11/6/2022 của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội về việc tổng hợp các ý kiến góp ý của các sở, ngành đối với một số nội dung điều chỉnh của dự thảo Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách cấp huyện thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước, sau cuộc họp ngày 04/6/2022.

- Công văn số 1097/SLĐTBXH-QLLVXH ngày 11/6/2022 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có gửi Sở Tư pháp về việc thẩm định dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách cấp huyện thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước (lần 2).

- Công văn số 704/STP-PC ngày 13/6/2022 của Sở Tư pháp có về việc phúc đáp Công văn số 1097/SLĐTBXH-QLLVXH ngày 11/6/2022.

- Các văn bản góp ý của các Ngành, địa phương; ý kiến phản biện của UBMTTQVN tỉnh.

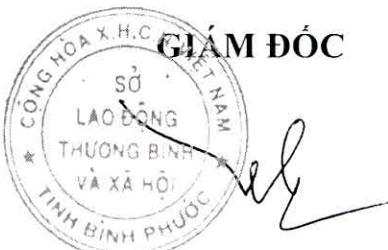
- Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh ban hành Quy định tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách cấp huyện thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

- Dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh về việc thông qua Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách cấp huyện thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước

Trên đây là Tờ trình đề nghị thông qua Nghị quyết ban hành quy định tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách cấp huyện thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước; Sở Lao động – Thương binh và Xã hội kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

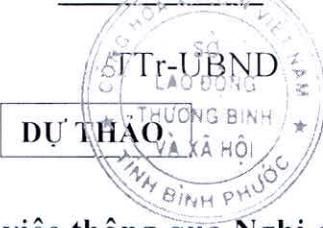
- Như trên;
- Ban Giám đốc Sở;
- Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, QLLVXH (M.14.6)



Huỳnh Thị Thùy Trang

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Số:



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Phước, ngày tháng năm 2022

TÒ TRÌNH

Về việc thông qua Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách cấp huyện thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước

Kính gửi: Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách cấp huyện thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước, như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

Ngày 18 tháng 01 năm 2022, chính phủ ban hành Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, theo đó tại Khoản 1, Điều 19 quy định “ UBND các tỉnh căn cứ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương, khả năng tài chính và đặc điểm tình hình của địa phương, bố trí vốn đối ứng, lồng ghép các nguồn lực khác, xây dựng các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước cho các ngành, các cấp của địa phương để thực hiện Chương trình và trình Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định”.

Để đảm bảo phân bổ nguồn vốn ngân sách trung ương, địa phương kịp thời và đúng quy định ngay trong năm 2022 nhằm triển khai đồng bộ các chính sách hỗ trợ người nghèo trong giai đoạn mới (theo quyết định Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025), việc đề nghị xây dựng Nghị quyết này là rất cần thiết.

II. CĂN CỨ PHÁP LÝ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 29/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội Về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ khoản 1 Điều 19 Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Thực hiện Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

III. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

Tạo cơ sở pháp lý để phân bổ nguồn lực (nguồn ngân sách trung ương, ngân sách đối ứng của cấp tỉnh, cấp huyện) cho các huyện, thị xã, thành phố để triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ giảm nghèo trong giai đoạn 2021-2025.

2. Quan điểm

Việc xây dựng nghị quyết phải đảm bảo đúng với các quy định hiện hành, dễ hiểu, dễ tính toán, dễ áp dụng và phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh.

IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

Ngày 27/4/2022, UBND tỉnh có Công văn số 941/UBND-TH giao Sở Lao động – Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định nguyên

tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách cấp huyện thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Từ ngày 12/5/2022 đến ngày 20/5/2022, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tiến hành lấy ý kiến các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện, đồng thời gửi UBMTTQVN tỉnh để thực hiện phản biện xã hội. Đến ngày 30/5/2022 Sở Lao động – Thương binh và Xã hội đã nhận được phản hồi của 15/18 đơn vị gửi lấy ý kiến, và các ý kiến phản biện được tổng hợp từ UBMTTQ tỉnh.

Ngày 31/5/2022, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội có Công văn số 1013/SLĐTBXH-QLLVXH ngày 31/5/2022 gửi Sở Tư pháp về việc thẩm định dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách cấp huyện thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước; ngày 03/6/2022, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội nhận được Báo cáo số 114/BC-STP về việc thẩm định dự thảo Nghị quyết ban hành quy định tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách cấp huyện thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Trên cơ sở các quy định của Pháp luật và đề nghị của Sở Tư pháp đối với dự thảo Nghị quyết, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội có Báo cáo số 152/BC-SLĐTBXH ngày 04/6/2022 gửi UBND tỉnh, Sở Tư pháp về việc tiếp thu, giải trình ý kiến của thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 114/BC-STP ngày 03/6/2022 đối với dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách cấp huyện thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Tại cuộc họp ngày 04/6/2022 thông qua các nội dung trình kỳ họp thứ 5 (giữa năm 2022) Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X, qua rà soát, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội đề xuất tiếp tục điều chỉnh một số nội dung tại dự thảo nghị quyết và được UBND tỉnh thống nhất, yêu cầu lấy ý kiến các Ngành, địa phương đối với nội dung điều chỉnh.. Từ ngày 05-10/06/2022, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội thực hiện lấy ý kiến, và nhận được góp ý của 11/14 đơn vị, đã được tổng hợp tiếp thu và giải trình tại Báo cáo số 167/BC-SLĐTBXH ngày 11/06/2022.

Ngày 11/6/2022, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội có Công văn số 1097/SLĐTBXH-QLLVXH gửi Sở Tư pháp về việc thẩm định dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách cấp huyện thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước (lần 2). Ngày 13/6/2022, Sở Tư pháp có Công văn số 704/STP-PC về việc phúc đáp Công văn số 1097/SLĐTBXH-QLLVXH ngày 11/6/2022; nội dung Công văn nêu: “Theo quy định tại khoản 5 Điều 121 Luật Ban hành văn bản năm 2015 được sửa đổi, bổ sung theo khoản 36 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều

của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020 thì: Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định để chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo văn bản đã được chỉnh lý đến Sở Tư pháp khi trình UBND tỉnh dự thảo Nghị quyết”.

Trên cơ sở xem xét các nội dung trình, báo cáo giải trình các nội dung không tiếp thu của cơ quan soạn thảo và ý kiến của Sở Tư pháp, UBND tỉnh đã hoàn chỉnh lại dự thảo Nghị quyết, kèm các văn bản có liên quan trình HĐND tỉnh.

V. BỘ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO

1. Bộ cục

Bộ cục của dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách cấp huyện thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước, gồm 2 phần:

Phần 1: Nội dung dự thảo Nghị quyết;

Phần 2: Nội dung dự thảo Quy định kèm theo Nghị quyết.

2. Nội dung cơ bản

2.1. Nội dung cơ bản của Phần 1 - Dự thảo Nghị quyết: gồm 2 điều, về quyết nghị của HĐND ban hành quy định và phân công tổ chức triển khai thực hiện.

2.2. Nội dung cơ bản của Phần 2 - Dự thảo Quy định kèm theo Nghị quyết: Gồm 2 chương 11 điều.

Chương I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Chương II: NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1. Tiêu chí, hệ số, định mức và phương pháp tính, xác định phân bổ vốn từng dự án

Điều 3. Quy định chung về tiêu chí phân bổ vốn

Điều 4. Trình tự, thẩm quyền phân bổ vốn

Điều 5. Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo

Điều 6. Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng

Điều 7. Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững

Điều 8. Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

Điều 9. Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình

Mục 2. Tỷ lệ vốn đối ứng của Ngân sách địa phương thực hiện chương trình

Điều 10. Bố trí vốn đối ứng của địa phương

Điều 11. Điều khoản chuyển tiếp

VI. HỒ SƠ KÈM THEO TỜ TRÌNH

- Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh ban hành Quy định tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách cấp huyện thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

- Báo cáo tổng hợp ý kiến góp ý, thẩm định của các cơ quan, đơn vị.

- Tờ trình của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội và văn bản của các đơn vị liên quan./.

UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: TC, TP, LĐTBXH, KHĐT, YT, TTTT, NNPTNT;
- Cục Thống kê tỉnh;
- LĐVP, Phòng KG-VX, TH;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Số: 2022/NQ-HĐND

Bình Phước, ngày tháng năm 2022

DỰ THAO SÁU TIẾP THU



NGHỊ QUYẾT

**Ban hành quy định tiêu chí, định mức phân bổ vốn
ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách cấp huyện thực hiện
Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025
trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 5**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 29/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội Về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ khoản 1 Điều 19 Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Thực hiện Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày ... tháng... năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số/BC-HĐND ngày ... tháng ... năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách cấp huyện thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khoá X, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày ... tháng ... năm 2022 và có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm 2022./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- VPQH, VPCP;
- Các Bộ: Lao động TBXH, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và PTNT, Thông tin và TT;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn DBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Tổ đại biểu HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- TTHĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm CNTTTT, Đài PTTH&Báo BP;
- LĐVP, các phòng chức năng;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Số: 114/BC-STP

Bình Phước, ngày 03 tháng 6 năm 2022

BÁO CÁO

Thẩm định dự thảo Nghị quyết ban hành quy định tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách cấp huyện thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước

Vừa qua, Sở Tư pháp nhận được Công văn số 1013/SLĐTBXH-QLLVXH ngày 31/5/2022 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đề nghị Sở Tư pháp thẩm định đối với dự thảo Nghị quyết ban hành quy định tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách cấp huyện thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước. Qua xem xét dự thảo Nghị quyết và các văn bản QPPL có liên quan, Sở Tư pháp báo cáo kết quả thẩm định như sau:

I. Về hồ sơ và trình tự, thủ tục xây dựng dự thảo Nghị quyết

1. Về hồ sơ

Hồ sơ kèm theo Công văn số 1013/SLĐTBXH-QLLVXH ngày 31/5/2022 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đề nghị Sở Tư pháp thẩm định dự thảo Nghị quyết ban hành quy định tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách cấp huyện thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước đầy đủ theo quy định tại khoản 2 Điều 121 Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015.

Dự thảo Nghị quyết ban hành quy định tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách cấp huyện thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước đã được Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh thực hiện phản biện theo quy định tại Nghị quyết số 403/2017/NQLT-UBTVQH14-CP-ĐCTUBTWMTTQVN ngày 15/6/2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ban hành quy định chi tiết các hình thức giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (Công văn số 1629/MTTQ-BTT ngày 30/5/2022)

2. Về trình tự, thủ tục xây dựng dự thảo Nghị quyết

Thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Chương VIII Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2020, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Dự thảo Nghị quyết ban hành quy định tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách cấp huyện thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước đã được Thường trực HĐND tỉnh giao UBND tỉnh trình tại kỳ họp thứ 5 (giữa năm 2022) tại Công văn số 125/HĐND ngày 27/4/2022.

II. Nội dung thẩm định

1. Đối tượng, phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị quyết

Dự thảo Nghị quyết ban hành quy định tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách cấp huyện thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước đã quy định phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng. Tuy nhiên, đề nghị Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đưa đoạn 2, đoạn 3 Điều 1 ra khỏi dự thảo cho phù hợp vì các nội dung này không phải là phạm vi điều chỉnh của dự thảo; đồng thời đề nghị Sở Lao động - Thương binh và Xã hội quy định lại nội dung về đối tượng áp dụng cho rõ ràng, cụ thể, không quy định chung chung.

2. Sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo Nghị quyết với hệ thống pháp luật

Để nội dung dự thảo Nghị quyết ban hành quy định tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách cấp huyện thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước phù hợp với tính thống nhất trong hệ thống văn bản QPPL. Đề nghị Sở Lao động, Thương binh và xã hội xem xét, chỉnh sửa lại một số nội dung sau:

- Về tên gọi của dự thảo Nghị quyết và Quy định, đề nghị Sở Lao động, Thương binh và xã hội chỉnh sửa lại cho phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng

Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; đồng thời xem xét lại giai đoạn thực hiện Chương trình vì hiện nay đã là năm 2022 tuy nhiên Sở Lao động, Thương binh và xã hội tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết này cho giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025 là không phù hợp;

- Đề nghị Sở Lao động, Thương binh và xã hội đưa các nội dung quy định tại điểm b khoản 2 Điều 4, điểm c khoản 1 Điều 5, điểm c khoản 2 Điều 5, điểm c khoản 1 Điều 6, điểm c khoản 2 Điều 6, điểm c khoản 1 Điều 7, điểm c khoản 2 Điều 7, điểm c Điều 8 về phương pháp tính ra khôi dự thảo vì các nội dung trên là quy định lại các nội dung được quy định tại Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 là không phù hợp theo khoản 2 Điều 8 Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015;

- Đối với các nội dung về phân bổ vốn ngân sách nhà nước; tiêu chí và hệ số phân bổ được quy định từ Điều 4 đến Điều 8 dự thảo, đề nghị Sở Lao động, Thương binh và xã hội phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị có liên quan để quy định cho phù hợp theo quy định của pháp luật và tình hình thực tế của địa phương;

- Đối với nội dung quy định tại Điều 9 dự thảo đề nghị Sở Lao động, Thương binh và xã hội tham mưu tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình cho phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

3. Sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với các quy định trong văn bản đã giao cho HĐND quy định chi tiết

Theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 thì: “*Căn cứ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương, khả năng tài chính và đặc điểm tình hình của địa phương, bố trí vốn đối ứng, lồng ghép các nguồn lực khác, xây dựng các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ*

vốn ngân sách nhà nước cho các ngành, các cấp của địa phương để thực hiện Chương trình và trình Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định.”. Do đó, việc Sở Lao động - Thương binh và xã hội tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua dự thảo Nghị quyết này tại kỳ họp giữa năm 2022 là phù hợp với văn bản đã giao cho HĐND quy định chi tiết.

4. Về ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản

Ngôn ngữ và kỹ thuật soạn thảo của dự thảo Nghị quyết, Quy định về cơ bản đảm bảo đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015 và Điều 69 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ. Tuy nhiên, đề nghị Sở Lao động, Thương binh và Xã hội xem xét, chỉnh sửa lại một số nội dung cho phù hợp, cụ thể như sau:

4.1 Đổi với dự thảo Nghị quyết:

a) Tại phần căn cứ pháp lý:

- Đề nghị Sở Lao động, Thương binh và Xã hội chuyển căn cứ pháp lý thứ 5 lên trước căn cứ pháp lý thứ 4 cho phù hợp;

- Tại căn cứ pháp lý thứ 9, 10 đề nghị chỉnh sửa lại tên gọi của văn bản cho phù hợp với tên gọi của văn bản QPPL đã được cơ quan Nhà nước cấp trên ban hành;

- Tại căn cứ pháp lý thứ 11 đề nghị chỉnh sửa lại như sau cho phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 61 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ, cụ thể:

“Căn cứ khoản 1 Điều 19 Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;”

b) Tại phần đề nghị ban hành dự thảo Nghị quyết đề nghị Sở Lao động, Thương binh và Xã hội bỏ từ “tỉnh” sau cụm từ “Hội đồng nhân dân” cho phù hợp theo quy định tại Mẫu số 17 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ.

c) Đề nghị chỉnh sửa lại tên của Điều 1 cho phù hợp với nội dung tại gạch đầu dòng thứ nhất mục 2 phần II.

d) Tại Điều 2 đề nghị bỏ đoạn “Nghị quyết này áp dụng … trên địa bàn tỉnh Bình Phước” vì việc quy định đoạn này là không cần thiết.

4.2 Đổi với dự thảo Quy định:

Trong toàn bộ dự thảo đề nghị chỉnh sửa lại bối cục Chương, Điều, khoản, điểm cho phù hợp theo quy định tại Điều 62 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ; đồng thời rà soát lại dấu câu, lỗi chính tả cho đúng;

III. Kết luận

Nghị quyết ban hành quy định tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách cấp huyện thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước chỉ đủ điều kiện tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua theo quy định của Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2020 và các văn bản có liên quan sau khi đã tiếp thu, chỉnh sửa hoặc giải trình các ý kiến thẩm định tại Báo cáo này.

Trên đây là Báo cáo thẩm định đối với dự thảo Nghị quyết ban hành quy định tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách cấp huyện thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước./.

Người nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở LĐ-TB&XH;
- Giám đốc (b/c);
- Phó Giám đốc;
- Lưu: VT, PC

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Trọng Tri

UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC
SỞ TƯ PHÁP

Số: 704 /STP-PC
V/v phúc đáp Công văn số
1097/SLĐTBXH-QLLVXH ngày
11/6/2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bình Phước, ngày 13 tháng 6 năm 2022

Kính gửi: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Sở Tư pháp nhận được Công văn số 1097/SLĐTBXH-QLLVXH ngày 11/6/2022 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội về việc thẩm định dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách cấp huyện thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước (lần 2). Sau khi xem xét hồ sơ và các văn bản có liên quan, Sở Tư pháp có ý kiến như sau:

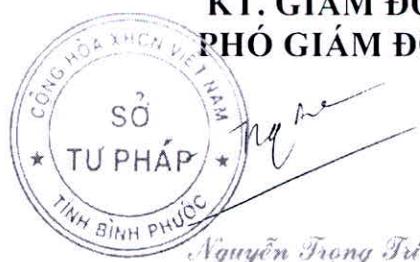
Theo quy định tại khoản 5 Điều 121 Luật Ban hành văn bản năm 2015 được sửa đổi, bổ sung theo khoản 36 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020 thì: “*Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định để chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo nghị quyết, đồng thời gửi báo cáo giải trình, tiếp thu kèm theo dự thảo văn bản đã được chỉnh lý đến Sở Tư pháp khi trình Ủy ban nhân dân dự thảo nghị quyết.*”. Do đó, việc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đề nghị Sở Tư pháp thẩm định dự thảo Nghị quyết ban hành quy định tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách cấp huyện thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước (lần 2) là chưa phù hợp theo quy định của pháp luật.

Trên đây là phúc đáp của Sở Tư pháp đối với Công văn số 1097/SLĐTBXH-QLLVXH ngày 11/6/2022 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (b/c);
- Phó Giám đốc;
- Lưu: VT, PC,

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC
SỞ LAO ĐỘNG
THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1013 /SLĐTBXH-QLLVXH

Bình Phước, ngày 31 tháng 05 năm 2022

V/v thẩm định dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách cấp huyện thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước

Kính gửi: Sở Tư pháp.

Thực hiện Công văn số 941/UBND-TH ngày 27/4/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phân công nhiệm vụ chuẩn bị nội dung trình HĐND tỉnh thông qua tại kỳ họp giữa năm 2022.

Theo chức năng, nhiệm vụ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội xây dựng dự thảo Tờ trình, Nghị quyết quy định tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách cấp huyện thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước (gọi tắt là Nghị quyết).

Để đảm bảo Nghị quyết tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua tại kỳ họp giữa năm 2022 đạt chất lượng, đúng quy định của pháp luật, Sở Lao động Thương binh và Xã hội đề nghị Sở Tư pháp thẩm định toàn diện đối với hồ sơ dự thảo Nghị quyết, thành phần hồ sơ bao gồm:

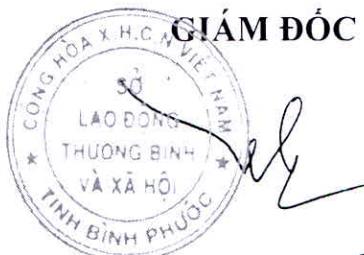
1. Dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết;
2. Dự thảo Nghị quyết;
3. Công văn góp ý dự thảo Nghị quyết của các Sở, ngành liên quan;
4. Báo cáo tổng hợp ý kiến góp ý đối với dự thảo Nghị quyết.

Rất mong Sở Tư pháp xem xét, thẩm định, đồng thời gửi kết quả thẩm định về Sở Lao động – Thương binh và Xã hội để Sở tổng hợp trình UBND tỉnh.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, QLLVXH (M.28.5).



Thuy Linh Thị Thúy Trang

UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC
SỞ LAO ĐỘNG
THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: K91/SLĐTBXH-QLLVXH

V/v thẩm định dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách cấp huyện thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước (lần 2)

Bình Phước, ngày 11 tháng 6 năm 2022

Kính gửi: Sở Tư pháp.

Căn cứ Công văn số 941/UBND-TH ngày 27/4/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phân công nhiệm vụ chuẩn bị nội dung trình HĐND tỉnh thông qua tại kỳ họp giữa năm 2022, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (viết tắt là Sở) đã hoàn chỉnh dự thảo nghị quyết ban hành quy định tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách cấp huyện thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước, được Sở Tư pháp thẩm định tại Báo cáo số 114/BC-STP ngày 03/6/2022. Sở cũng đã có báo cáo tiếp thu, giải trình đối với ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 152/BC-SLĐTBXH ngày 04/6/2022.

Tuy nhiên, qua rà soát lại nội dung, Sở nhận thấy còn một số nội dung chưa phù hợp với thực tiễn. Do vậy, tại cuộc họp ngày 04/6/2022 thông qua các nội dung trình kỳ họp thứ 5 (giữa năm 2022) Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X, Sở đã đề xuất cho gia hạn thời gian để tiếp tục lấy ý kiến các ngành đối với nội dung xin điều chỉnh.

Ngày 05/6/2022, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã có Công văn số 1039/SLĐTBXH-QLLVXH gửi các sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Thông tin và Truyền thông, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố về việc lấy ý kiến điều chỉnh một số nội dung tại dự thảo Quy định. Đến ngày 10/6/2022, Sở đã nhận được văn bản góp ý của 11 đơn vị/14 đơn vị, đã tiếp thu, giải trình đối với các nội dung góp ý tại Báo cáo số 167/BC-SLĐTBXH ngày 11/6/2022.

Để đảm bảo Nghị quyết tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua tại kỳ họp giữa năm 2022 đạt chất lượng, đúng quy định của pháp luật, Sở

Lao động Thương binh và Xã hội đề nghị Sở Tư pháp thẩm định (lần 02) đối với dự thảo Nghị quyết, thành phần hồ sơ bao gồm:

1. Dự thảo Nghị quyết (sau ngày 10/06/2022);
2. Báo cáo số 152/BC-SLĐTBXH ngày 04/6/2022 của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội về việc tiếp thu, giải trình ý kiến của thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 114/BC-STP ngày 03/6/2022 đối với dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách cấp huyện thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước;
3. Báo cáo số 167/BC-SLĐTBXH ngày 11/6/2022 của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội về việc tổng hợp các ý kiến góp ý của các sở, ngành điều chỉnh một số nội dung đối với dự thảo Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách cấp huyện thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước sau cuộc họp ngày 04/6/2022.

Riêng đối với dự thảo tờ trình của UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành nghị quyết đã được Sở Tư pháp thẩm định tại Báo cáo số 114/BC-STP ngày 03/6/2022. Nội dung tờ trình đến nay không có gì thay đổi, nên không thuộc hồ sơ thẩm định lần 02.

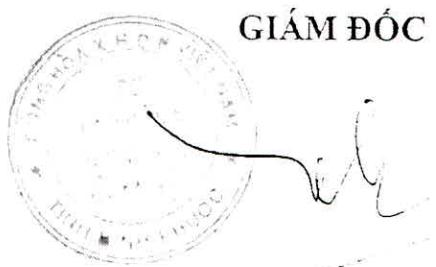
Rất mong Sở Tư pháp hỗ trợ, xem xét, thẩm định (lần 02), đồng thời gửi kết quả thẩm định về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trước ngày 14/6/2022 để Sở tổng hợp trình UBND tỉnh.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám đốc;
- Lưu: VT, QLLVXH (M.10.6).

GIÁM ĐỐC

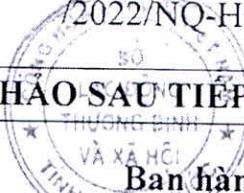


Phuynh Thi Thuy Trang

Số: 1/2022/NQ-HĐND

Bình Phước, ngày tháng năm 2022

DỰ THẢO SÁU TIẾP THU



NGHỊ QUYẾT

**Ban hành quy định tiêu chí, định mức phân bổ vốn
ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách cấp huyện thực hiện
Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025
trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 5**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của
Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm
nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 29/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của
Quốc hội Về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của
Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ khoản 1 Điều 19 Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng
01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức
phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa
phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai
đoạn 2021-2025;

Thực hiện Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày ... tháng... năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số/BC-HĐND ngày ... tháng ... năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách cấp huyện thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khoá X, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày ... tháng ... năm 2022 và có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm 2022./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- VPQH, VPCP;
- Các Bộ: Lao động TBXH, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và PTNT, Thông tin và TT;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Tổ đại biểu HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- TTHDND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm CNTTTT, Đài PTTH& Báo BP;
- LDVP, các phòng chức năng;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

DỰ THẢO SÁU KHI ĐIỀU CHỈNH

QUY ĐỊNH

Tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách cấp huyện thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước

(Kèm theo Nghị quyết số /2022/NQ-HĐND
ngày tháng năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định các tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách cấp huyện thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước (sau đây viết tắt là Chương trình) áp dụng cho các năm ngân sách giai đoạn 2022-2025.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Ủy ban nhân dân cấp xã và đơn vị sử dụng kinh phí Chương trình.
2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến việc lập, thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

TIÊU CHÍ, HỆ SỐ, ĐỊNH MỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP TÍNH, XÁC ĐỊNH
PHÂN BỐ VỐN TÙNG DỰ ÁN

Điều 3. Quy định chung về tiêu chí phân bổ vốn

1. Vốn ngân sách nhà nước bao gồm vốn ngân sách nhà nước phân bổ và vốn đối ứng của tỉnh (nếu có) để thực hiện chương trình.
2. Số hộ nghèo, cận nghèo và tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo của các huyện để tính hệ số được xác định căn cứ vào số liệu báo cáo của Sở Lao động Thương binh và Xã hội về kết quả rà soát hộ nghèo, cận nghèo năm 2021 theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

3. Số lượng tuyển sinh, Lực lượng lao động từ đủ 15 tuổi trở lên năm 2020 theo số liệu công bố của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội.

4. Theo số Tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi của các huyện, thị xã, thành phố năm 2020 theo số liệu do Sở Y tế công bố.

Điều 4. Trình tự, thẩm quyền phân bổ vốn

UBND cấp huyện xây dựng kế hoạch, đề xuất phân bổ vốn nhà nước thực hiện chương trình giai đoạn 05 năm và hàng năm đảm bảo đúng các nguyên tắc, tiêu chí và định mức theo quy định trình UBND tỉnh xem xét phê duyệt. Trường hợp địa phương (huyện, thị xã, thành phố) không có nhu cầu hỗ trợ kinh phí, giao UBND tỉnh xem xét quyết định phân bổ cho các sở, ban, ngành hoặc địa phương khác có đăng ký nhu cầu hỗ trợ nguồn vốn.

Điều 5. Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo

1. Phân bổ vốn ngân sách nhà nước của Dự án: tối đa 15% cho các sở, ban, ngành; tối thiểu 85% cho các huyện, thị xã, thành phố.

2. Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các huyện, thị xã, thành phố

a) Tiêu chí, hệ số phân bổ

Tiêu chí	Điểm hệ số
1. Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố	
Dưới 1%	0,4
Từ 1% đến 3%	0,5
Từ 3% đến 5%	0,6
Từ 5% trở lên	0,7
2. Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố	
Dưới 200 hộ	0,4
Từ 200 hộ đến dưới 500 hộ	0,5
Từ 500 hộ đến dưới 1.000 hộ	0,6
Từ 1.000 hộ đến dưới 1.500 hộ	0,7
Từ 1.500 hộ đến dưới 2.000 hộ	0,8

Tiêu chí	Điểm hệ số
Từ 2.000 hộ trở lên	0,9
3. Tiêu chí 3: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố	
6 xã	1
Từ trên 6 xã đến dưới 8 xã	1,2
Từ 8 đến dưới 10 xã	1,4
Từ 10 xã đến dưới 15 xã	1,6
Từ 15 xã trở lên	1,8
4. Tiêu chí 4: Mức độ khó khăn của các huyện, thị xã, thành phố	
Các huyện: Bù Đốp, Hớn Quản, Lộc Ninh	0,5
Các huyện: Bù Gia Mập, Bù Đăng	1
Thành phố Đồng Xoài, thị xã Phước Long, thị xã Bình Long, huyện Đồng Phú, huyện Phú Riềng, huyện Chơn Thành	0

b) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho huyện, thị xã, thành phố

Vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho từng huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức:

$$C_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$$

Trong đó:

C_i là vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho huyện, thị xã, thành phố.

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo; tổng số hộ nghèo, hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố.

Y_i là tổng hệ số tiêu chí mức độ khó khăn và số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức: $Y_i = DVi + KK_i$ (DVi là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố; KK_i là hệ số mức độ khó khăn của các huyện, thị xã, thành phố).

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách nhà nước phân bổ thực hiện Dự án 2 của Chương trình.

Điều 6. Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng

1. Tiêu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp

a) Phân bổ vốn ngân sách nhà nước của Tiêu dự án: tối đa 5% - 10% cho các sở, ban, ngành; tối thiểu 90 - 95% cho các huyện, thị xã, thành phố.

b) Tiêu chí, hệ số phân bổ vốn cho địa phương (áp dụng như biếu tiêu chí và hệ số phân bổ tại điểm a, khoản 2, Điều 5 tại Quy định này).

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho huyện, thị xã, thành phố

Vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho từng huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức:

$$Di = Q \cdot X_i \cdot Y_i$$

Trong đó:

Di là vốn ngân sách phân bổ cho huyện, thị xã, thành phố.

Xi là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo; tổng số hộ nghèo, hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố.

Yi là tổng hệ số tiêu chí mức độ khó khăn và số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức: $Y_i = DVi + KK_i$ (DVi là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố; KK_i là hệ số mức độ khó khăn của các huyện, thị xã, thành phố).

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách nhà nước phân bổ thực hiện hiện tiêu dự án 1 thuộc Dự án 3 của Chương trình.

2. Tiêu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng

a) Phân bổ vốn ngân sách nhà nước của Tiêu dự án: tối đa 10% cho các sở, ban, ngành; tối thiểu 90% cho các huyện, thị xã, thành phố.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho địa phương

Tiêu chí	Điểm hệ số
1. Tiêu chí 1: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố	
6 xã	1
Từ trên 6 xã đến dưới 8 xã	1,2
Từ 8 đến dưới 10 xã	1,4
Từ 10 xã đến dưới 15 xã	1,6
Từ 15 xã trở lên	1,8
2. Tiêu chí 2: Mức độ khó khăn của các huyện, thị xã, thành phố	
Các huyện: Bù Đốp, Hòn Quản, Lộc Ninh	0,5
Các huyện: Bù Gia Mập, Bù Đăng	1
Thành phố Đồng Xoài, thị xã Phước Long, thị xã Bình Long, huyện Đồng Phú, huyện Phú Riềng, huyện Chơn Thành	0
3. Tiêu chí 3: Tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi của trẻ em dưới 5 tuổi của huyện, thị xã, thành phố	
Dưới 6%	1
Từ 6% đến dưới 10%	1,3
Trên 10%	1,6

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho địa phương

Vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho từng huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức:

$$E_i = Q \cdot Y_i \cdot DDi$$

Trong đó:

Ei là vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho huyện, thị xã, thành phố.

DDi là hệ số tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi trẻ em dưới 5 tuổi của huyện, thị xã, thành phố.

Yi là tổng hệ số tiêu chí mức độ khó khăn và số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức: $Yi = DVi + KK_i$ (DVi là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố; KK_i là hệ số mức độ khó khăn của các huyện, thị xã, thành phố).

Q là vốn bình quân cho một huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n Y_i \cdot DDi}$$

G là tổng số vốn ngân sách nhà nước phân bổ để thực hiện tiêu dự án 2 thuộc Dự án 3 của Chương trình.

Điều 7. Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững

1. Tiêu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp

a) Phân bổ 100% vốn đối ứng của tỉnh cho tiêu dự án (nếu có) cho các huyện biên giới, huyện có tỷ lệ nghèo cao để hỗ trợ một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn.

b). Phân bổ tối đa 20% tổng vốn sự nghiệp ngân sách trung ương của Tiểu dự án cho các sở, ban, ngành.

c) Phân bổ tối thiểu 80% vốn sự nghiệp ngân sách trung ương của Tiểu dự án cho các huyện để hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người dân sinh sống trên địa bàn các xã đặc biệt khó khăn.

Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho địa phương

- Tiêu chí, hệ số phân bổ vốn cho địa phương: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố; Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố; Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố; Mức độ khó khăn của các huyện, thị xã, thành phố (áp dụng như biểu tiêu chí và hệ số phân bổ tại điểm a, khoản 2, Điều 5 tại Quy định này).

- Tiêu chí số lượng tuyển sinh trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố:

Dưới 500 người/năm	0,5
Từ 500 người/năm đến dưới 1.000 người/năm	0,6
Từ 1.000 người/năm trở lên	0,7

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn

Vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho từng huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức:

$$K_i = Q \cdot X_i$$

Trong đó:

K_i là vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho huyện, thị xã, thành phố.

X_i là tổng điểm hệ số của các tiêu chí theo công thức:

$$X_i = T L_i + Q M_i + D V_i + K K_i + T S_i$$

($T L_i$ là hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo; $Q M_i$ là hệ số tổng số hộ nghèo, hộ cận nghèo; $D V_i$ hệ số đơn vị hành chính cấp xã; $K K_i$ là hệ số mức độ khó khăn của các huyện, thị xã, thành phố; $T S_i$ là hệ số tiêu chí số lượng tuyển sinh).

Q là vốn bình quân cho một huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i}$$

G là tổng số vốn sự nghiệp ngân sách trung ương phân bổ cho các địa phương thực hiện Tiêu dự án 1 thuộc Dự án 4 của Chương trình để hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

2. Tiêu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững

a) Phân bổ vốn ngân sách nhà nước cho Tiêu dự án: tối đa 70% cho các sở, ban, ngành; tối thiểu 30% cho các huyện, thị xã, thành phố.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho địa phương

Tiêu chí	Điểm hệ số
1. Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố	
Dưới 1%	0,4
Từ 1% đến 3%	0,5
Từ 3% đến 5%	0,6
Từ 5% trở lên	0,7

Tiêu chí	Điểm hệ số
2. Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố	
Dưới 200 hộ	0,4
Từ 200 hộ đến dưới 500 hộ	0,5
Từ 500 hộ đến dưới 1000 hộ	0,6
Từ 1000 hộ đến dưới 1.500 hộ	0,7
Từ 1.500 hộ đến dưới 2.000 hộ	0,8
Từ 2.000 hộ trở lên	0,9
3. Tiêu chí 3: Lực lượng lao động từ đủ 15 tuổi trở lên của huyện, thị xã, thành phố	
Dưới 40.000 người	1
Từ 40.000 người đến dưới 50.000 người	1,2
Từ 50.000 người đến dưới 60.000 người	1,4
Từ 60.000 người đến dưới 70.000 người	1,6
Từ 70.000 người đến dưới 80.000 người	1,8
Từ 80.000 người trở lên	2

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho huyện, thị xã, thành phố

Vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho từng huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức:

$$M_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$$

Trong đó:

M_i là vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho huyện, thị xã, thành phố.

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố.

Y_i là hệ số lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên của huyện, thị xã, thành phố.

Q là vốn bình quân cho một huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách nhà nước để phân bổ cho tỉnh thực hiện Tiêu dự án 3 thuộc Dự án 4 của Chương trình.

Điều 8. Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

1. Tiêu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin

a) Phân bổ vốn ngân sách nhà nước cho cơ quan chủ trì Tiêu dự án để thực hiện các nội dung đặc thù giảm nghèo thông tin theo đề nghị của cơ quan chủ trì. Phân bổ vốn ngân sách còn lại theo tỷ lệ tối đa 30% cho các Sở, ban, ngành; tối thiểu 70% cho các huyện, thị xã, thành phố.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho địa phương (áp dụng theo biểu tiêu chí và hệ số phân bổ tại điểm a, khoản 2, Điều 5 Quy định này).

c) Vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho từng huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức:

$$N_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$$

Trong đó:

N_i là vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho huyện, thị xã, thành phố.

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố.

Y_i là tổng hệ số tiêu chí mức độ khó khăn và số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức: $Y_i = DVi + KK_i$ (DVi là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố; KK_i là hệ số mức độ khó khăn của các huyện, thị xã, thành phố).

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G - D}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

Trong đó: G là tổng số vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho tỉnh để thực hiện Tiêu dự án 1 thuộc Dự án 6; D là tổng nhu cầu kinh phí thực hiện nội dung đặc thù giảm nghèo thông tin của Sở Thông tin và Truyền thông.

2. Tiêu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều

a) Phân bổ vốn ngân sách nhà nước cho Tiêu dự án: tối đa 35% cho các sở, ban, ngành; tối thiểu 65% cho các huyện, thị xã, thành phố.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho địa phương (áp dụng theo biểu tiêu chí và hệ số phân bổ tại điểm a, khoản 2, Điều 5 Quy định này).

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho địa phương.

Vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho từng huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức:

$$P_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$$

Trong đó:

P_i là vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho huyện, thị xã, thành phố.

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố.

Y_i là tổng hệ số tiêu chí mức độ khó khăn và số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức: $Y_i = DVi + KK_i$ (DVi là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố; KK_i là hệ số mức độ khó khăn của các huyện, thị xã, thành phố).

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho tỉnh để thực hiện Tiêu dự án 2, thuộc Dự án 6.

Điều 9. Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình

a) Phân bổ vốn ngân sách nhà nước của Dự án: tối đa 70% cho các sở, ban, ngành; tối thiểu 30% cho các huyện, thị xã, thành phố.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho địa phương (áp dụng theo biểu tiêu chí và hệ số phân bổ tại điểm a, khoản 2, Điều 5 Quy định này).

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho địa phương

Vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức:

$$R_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$$

Trong đó:

R_i là vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho huyện, thị xã, thành phố.

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố.

Y_i là tổng hệ số tiêu chí mức độ khó khăn và số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức: $Y_i = DVi + KK_i$ (DVi là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố; KK_i là hệ số mức độ khó khăn của các huyện, thị xã, thành phố).

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho tỉnh để thực hiện Dự án 7.

Mục 2

TỶ LỆ VỐN ĐỐI ỨNG CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Điều 10. Bố trí vốn đối ứng của địa phương

1. Căn cứ vào tình hình thực tế, khả năng cân đối ngân sách, các địa phương phải ưu tiên bố trí đủ vốn ngân sách địa phương theo quy định tại điều này để triển khai thực hiện chương trình theo kế hoạch hàng năm và 5 năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt, ưu tiên vốn bố trí thêm nguồn vốn cho các xã đặc biệt khó khăn, xã có tỷ lệ nghèo cao.

2. Tỷ lệ đối ứng từ ngân sách địa phương: Hàng năm, ngân sách các huyện, thị xã, thành phố đối ứng tối thiểu trên tổng ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ thực hiện Chương trình, như sau:

a) Các địa phương nhận hỗ trợ từ ngân sách tỉnh từ 70% trở lên: Hàng năm, ngân sách huyện đối ứng tối thiểu bằng 3% tổng ngân sách hỗ trợ thực hiện Chương trình.

b) Các địa phương nhận hỗ trợ từ ngân sách tỉnh từ 50% đến dưới 70%: Hàng năm, ngân sách huyện đối ứng tối thiểu bằng 10% tổng ngân sách hỗ trợ thực hiện Chương trình.

c) Các địa phương nhận hỗ trợ từ ngân sách tỉnh dưới 50%: Hàng năm, ngân sách địa phương đối ứng tối thiểu bằng 15% tổng ngân sách hỗ trợ thực hiện Chương trình.

d) Căn cứ vào tỷ lệ đối ứng hàng năm của các địa phương, trường hợp tỷ lệ đối ứng chung của tỉnh chưa đạt mức theo quy định, ngân sách tỉnh sẽ cấp bù.

Điều 11. Điều khoản chuyển tiếp

Về nguyên tắc phân bổ vốn không quy định tại Quy định này được Áp dụng theo Điều 3 Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025./.

Số: 167 /BC-SLĐTBXH

Bình Phước, ngày 11 tháng 6 năm 2022

BÁO CÁO

Tổng hợp các ý kiến góp ý của các sở, ngành đối với một số nội dung điều chỉnh của dự thảo Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách cấp huyện thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước, sau cuộc họp ngày 04/6/2022

Thực hiện nội dung tại cuộc họp ngày 04/6/2022 do UBND tỉnh chủ trì thông qua các nội dung trình kỳ họp thứ 5 (giữa năm 2022) Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X, theo đó Sở Lao động Thương binh và Xã hội đề xuất tiếp tục điều chỉnh một số nội dung so với dự thảo ban đầu (đã được lấy ý kiến các ngành và thẩm định của Sở Tư pháp).

Để đảm bảo quy trình soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật, ngày 05/6/2022, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã có Công văn số 1039/SLĐTBXH-QLLVXH gửi các sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Thông tin và Truyền thông, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố về việc lấy ý kiến điều chỉnh một số nội dung tại dự thảo Quy định tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách cấp huyện thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Đến ngày 10/6/2022, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã nhận được văn bản góp ý của 11 đơn vị/14 đơn vị gửi lấy ý kiến (Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính; UBND các huyện, thị xã: Bình Long, Phước Long, Bù Đăng, Lộc Ninh, Bù Đốp, Chơn Thành, Bù Gia Mập, Hớn Quản); trong đó có 10 đơn vị thống nhất hoàn toàn với dự thảo Quy định sau điều chỉnh; 01 đơn vị là Sở Tài chính góp ý cụ thể vào nội dung dự thảo Quy định sau điều chỉnh. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã nghiên cứu tiếp thu, cụ thể như sau:

*Sở Tài chính (Công văn số 1379/STC-NS ngày 10/6/2022)

Đối với điểm a, Tiêu dự án 1 thuộc Dự án 6: đề nghị điều chỉnh lại là:

Từ:

"*Phân bổ vốn ngân sách nhà nước cho cơ quan chủ trì Tiêu dự án để thực hiện các nội dung đặc thù giảm nghèo thông tin theo đề nghị của Sở Thông tin và Truyền thông. Phân bổ vốn ngân sách còn lại theo tỷ lệ tối đa 30% cho các Sở, ban, ngành; tối thiểu 70% cho các huyện, thị xã, thành phố*".

Đề nghị điều chỉnh lại là:

“Phân bổ vốn ngân sách nhà nước cho cơ quan chủ trì Tiểu dự án để thực hiện các nội dung đặc thù giảm nghèo thông tin theo đề nghị của cơ quan chủ trì. Phân bổ vốn ngân sách còn lại theo tỷ lệ tối đa 30% cho các Sở, ban, ngành; tối thiểu 70% cho các huyện, thị xã, thành phố”

***Ý kiến của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội:** thông nhất tiếp thu, điều chỉnh.

Sau khi tiếp thu điều chỉnh, bổ sung một số nội dung tại dự thảo Quy định tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách cấp huyện thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước; dự thảo hiện có 11 Điều, tăng thêm 02 Điều so với dự thảo gửi Sở Tư pháp thẩm định tại Công văn số 1013/SLĐT BXH-QLLVXH ngày 31/5/2022 của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội.

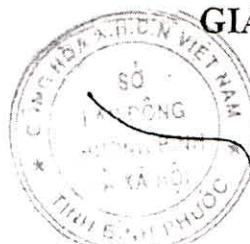
Trên đây là Báo cáo tổng hợp các ý kiến góp ý đối với dự thảo Quy định tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách cấp huyện thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

(Kèm theo các văn bản góp ý đối với dự thảo của các đơn vị)./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, QLLVXH (M.9.6).

GIÁM ĐỐC



Hành Thị Thùy Trang

Số: 16.7 /BC-SLĐTBXH

Bình Phước, ngày 11 tháng 6 năm 2022

BÁO CÁO

Tổng hợp các ý kiến góp ý của các sở, ngành đối với một số nội dung điều chỉnh của dự thảo Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách cấp huyện thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước, sau cuộc họp ngày 04/6/2022

Thực hiện nội dung tại cuộc họp ngày 04/6/2022 do UBND tỉnh chủ trì thông qua các nội dung trình kỳ họp thứ 5 (giữa năm 2022) Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X, theo đó Sở Lao động Thương binh và Xã hội đề xuất tiếp tục điều chỉnh một số nội dung so với dự thảo ban đầu (đã được lấy ý kiến các ngành và thẩm định của Sở Tư pháp).

Để đảm bảo quy trình soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật, ngày 05/6/2022, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã có Công văn số 1039/SLĐTBXH-QLLVXH gửi các sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Thông tin và Truyền thông, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố về việc lấy ý kiến điều chỉnh một số nội dung tại dự thảo Quy định tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách cấp huyện thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Đến ngày 10/6/2022, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã nhận được văn bản góp ý của 11 đơn vị/14 đơn vị gửi lấy ý kiến (Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính; UBND các huyện, thị xã: Bình Long, Phước Long, Bù Đăng, Lộc Ninh, Bù Đốp, Chơn Thành, Bù Gia Mập, Hớn Quản); trong đó có 10 đơn vị thống nhất hoàn toàn với dự thảo Quy định sau điều chỉnh; 01 đơn vị là Sở Tài chính góp ý cụ thể vào nội dung dự thảo Quy định sau điều chỉnh. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã nghiên cứu tiếp thu, cụ thể như sau:

***Sở Tài chính** (Công văn số 1379/STC-NS ngày 10/6/2022)

Đối với điểm a, Tiêu dự án 1 thuộc Dự án 6: đề nghị điều chỉnh lại là:

Từ:

"Phân bổ vốn ngân sách nhà nước cho cơ quan chủ trì Tiêu dự án để thực hiện các nội dung đặc thù giảm nghèo thông tin theo đề nghị của Sở Thông tin và Truyền thông. Phân bổ vốn ngân sách còn lại theo tỷ lệ tối đa 30% cho các Sở, ban, ngành; tối thiểu 70% cho các huyện, thị xã, thành phố".

Đề nghị điều chỉnh lại là:

"Phân bổ vốn ngân sách nhà nước cho cơ quan chủ trì Tiểu dự án để thực hiện các nội dung đặc thù giảm nghèo thông tin theo đề nghị của cơ quan chủ trì. Phân bổ vốn ngân sách còn lại theo tỷ lệ tối đa 30% cho các Sở, ban, ngành; tối thiểu 70% cho các huyện, thị xã, thành phố"

***Ý kiến của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội:** thống nhất tiếp thu, điều chỉnh.

Sau khi tiếp thu điều chỉnh, bổ sung một số nội dung tại dự thảo Quy định tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách cấp huyện thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước; dự thảo hiện có 11 Điều, tăng thêm 02 Điều so với dự thảo gửi Sở Tư pháp thẩm định tại Công văn số 1013/SLĐTBXH-QLLVXH ngày 31/5/2022 của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội.

Trên đây là Báo cáo tổng hợp các ý kiến góp ý đối với dự thảo Quy định tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách cấp huyện thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

(Kèm theo các văn bản góp ý đối với dự thảo của các đơn vị)./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, QLLVXH (M.9.6).

GIÁM ĐỐC



Huỳnh Thị Thúy Trang

UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC
SỞ TƯ PHÁP

Số: 704 /STP-PC
V/v phúc đáp Công văn số
1097/SLĐTBXH-QLLVXH ngày
11/6/2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bình Phước, ngày 13 tháng 6 năm 2022

Kính gửi: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Sở Tư pháp nhận được Công văn số 1097/SLĐTBXH-QLLVXH ngày 11/6/2022 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội về việc thẩm định dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách cấp huyện thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước (lần 2). Sau khi xem xét hồ sơ và các văn bản có liên quan, Sở Tư pháp có ý kiến như sau:

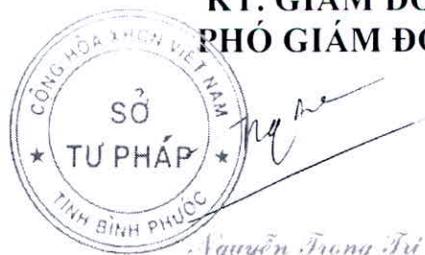
Theo quy định tại khoản 5 Điều 121 Luật Ban hành văn bản năm 2015 được sửa đổi, bổ sung theo khoản 36 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020 thì: “*Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định để chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo nghị quyết, đồng thời gửi báo cáo giải trình, tiếp thu kèm theo dự thảo văn bản đã được chỉnh lý đến Sở Tư pháp khi trình Ủy ban nhân dân dự thảo nghị quyết.*”. Do đó, việc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đề nghị Sở Tư pháp thẩm định dự thảo Nghị quyết ban hành quy định tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách cấp huyện thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước (lần 2) là chưa phù hợp theo quy định của pháp luật.

Trên đây là phúc đáp của Sở Tư pháp đối với Công văn số 1097/SLĐTBXH-QLLVXH ngày 11/6/2022 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (b/c);
- Phó Giám đốc;
- Lưu: VT, PC,

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Trọng Tu